

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC  
SỞ LAO ĐỘNG  
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 685 /SLĐT BXH-BTXH  
V/v báo cáo kết quả thực hiện  
công tác bảo trợ xã hội 6 tháng  
đầu năm 2018.

Bình Phước, ngày 28 tháng 5 năm 2018

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã.

Nhằm chủ động kịp thời tổng hợp số liệu công tác Bảo trợ xã hội báo cáo Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội, UBND tỉnh. Sở Lao động - Thương binh & Xã hội đề nghị UBND các huyện, thị xã phối hợp chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh & Xã hội thực hiện công việc sau:

1. Tổng hợp, báo cáo số liệu cứu trợ đột xuất và kết quả chi trợ giúp thường xuyên cho các đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng 6 tháng đầu năm 2018.

Báo cáo chi tiết việc theo dõi hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội trên địa bàn (nếu có).

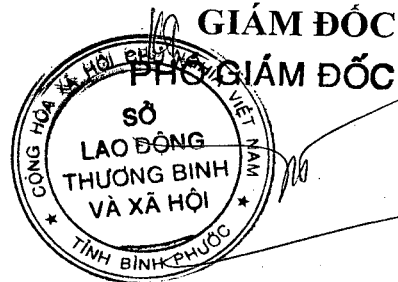
(Kèm theo biểu mẫu số liệu).

2. Từng địa phương cần lưu ý cập nhật số liệu trợ giúp xã hội khớp với cơ quan tài chính tại thời điểm báo cáo.

Rất mong UBND các huyện, thị xã quan tâm chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh & Xã hội thực hiện những nội dung trên. Báo cáo kết quả về Phòng BTXH, Sở Lao động - Thương binh & Xã hội trước ngày 04/06/2018./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phòng LĐ – TBXH các huyện, thị xã;
- Lưu VT, BTXH(Dg-2).



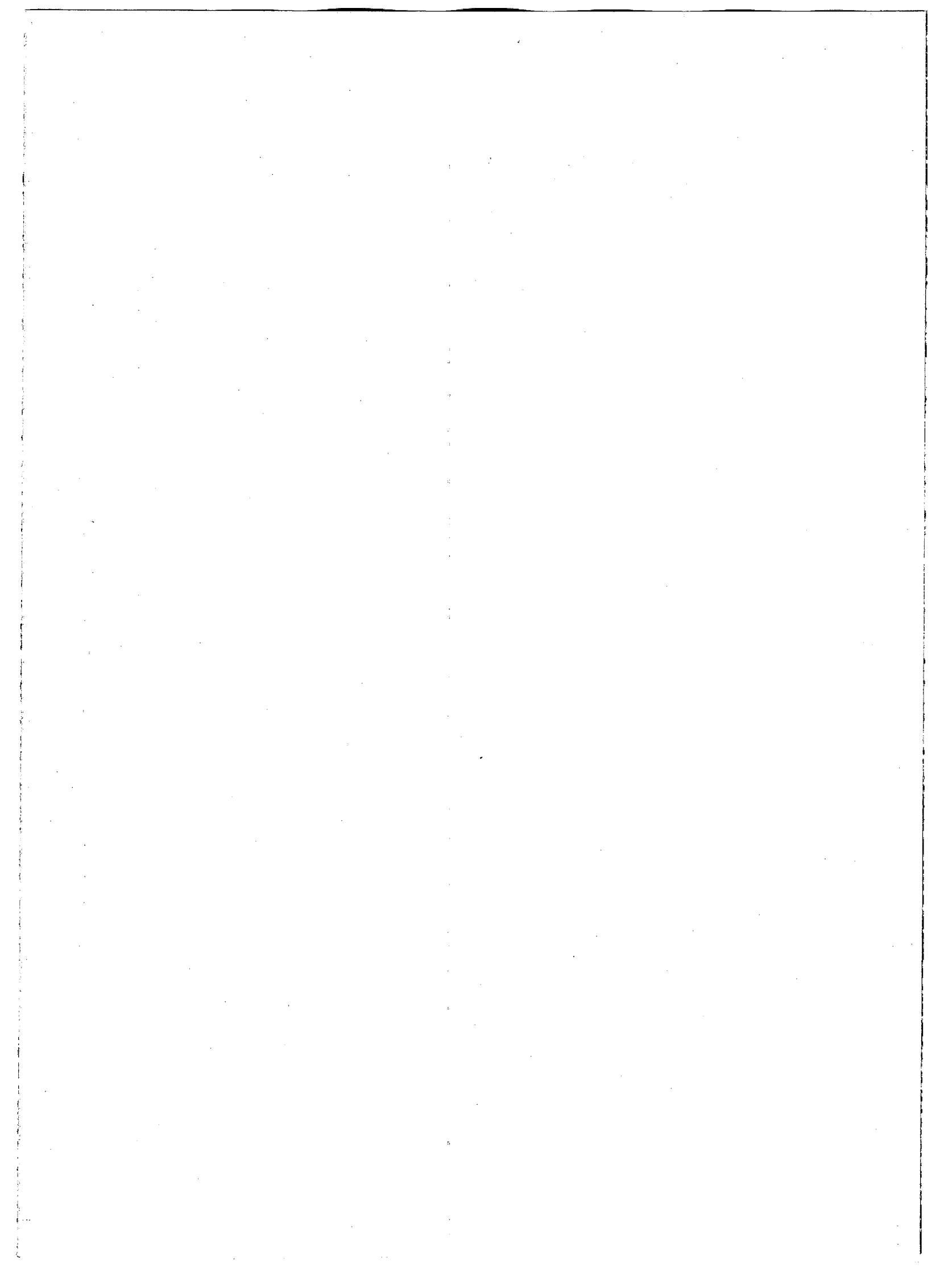
Phạm Thị Mai Hương



**Bảng 1. TỔNG HỢP SỐ LIỆU CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN**

Số TT	Tên cơ sở	Loại hình cơ sở											Giấy phép hoạt động		Cấp quản lý			Số cán bộ, nhân viên								
		Công lập		Ngoài công lập			Đối tượng phục vụ						Được chỉ định cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài	Có giấy phép	Chưa có giấy phép	Cấp TW	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Tổng số	Nữ	Trên Đại học	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Chưa qua đào tạo	
		Thuộc ngành LĐTBXH	Thuộc ngành khác	Thuộc các tổ chức xã hội	Cơ sở tôn giáo		Cơ sở tư nhân	Cơ sở tổng hợp	Cơ sở chăm sóc người già	Cơ sở chăm sóc người khuyết tật	Cơ sở chăm sóc trẻ em	Cơ sở chăm sóc và PHCN cho người tâm thần														
(1)	(2)	(3)	Nhà Chùa	Nhà Thờ	(6)	(7)							(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
1																										
2													Ghi rõ số QĐ													
3																										
	<b>Tổng số</b>																									

*Ghi chú : Nếu cơ sở thuộc loại hình từ cột (1) đến (14) thì tích (x) vào cột tương ứng  
 Riêng cột (2) ghi rõ tên ngành (ví dụ: y tế, giáo dục, chữ thập đỏ...)*



**Bảng 2. TỔNG HỢP SỐ LIỆU ĐỐI TƯỢNG TRONG CÁC CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN**

Số TT	Tên cơ sở	Số lượng đối tượng đang nuôi dưỡng																		Trẻ em được cho làm con nuôi		Đối tượng tự nguyện						
		Tổng số đối tượng	Trong đó:																	Tổng số	Số trẻ em làm con nuôi nước ngoài	Tổng số	Trẻ em	Người tâm thần	Người cao tuổi	Người khuyết tật	Người nhiễm HIV/AIDS	
			Trẻ em mồ côi	Người cao tuổi	Người khuyết tật		Người tâm thần		Người nhiễm HIV/AIDS		Đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp được tiếp nhận vào cơ sở						Khác											
					Tổng số	Trong đó trẻ em	Tổng số	Trong đó trẻ em	Tổng số	Trong đó trẻ em	Nạn nhân của bạo lực gia đình		Nạn nhân bị xâm hại tình dục		nạn nhân bị buôn bán		Người lang thang chờ đưa về nơi cư trú		Tổng số									Trong đó trẻ em
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)		
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)
1																												
2																												
3																												
...																												
	Tổng số																											

*Ghi chú : Nếu một người cùng lúc thuộc nhiều nhóm đối tượng thì lựa chọn theo mức hưởng chính sách cao nhất*



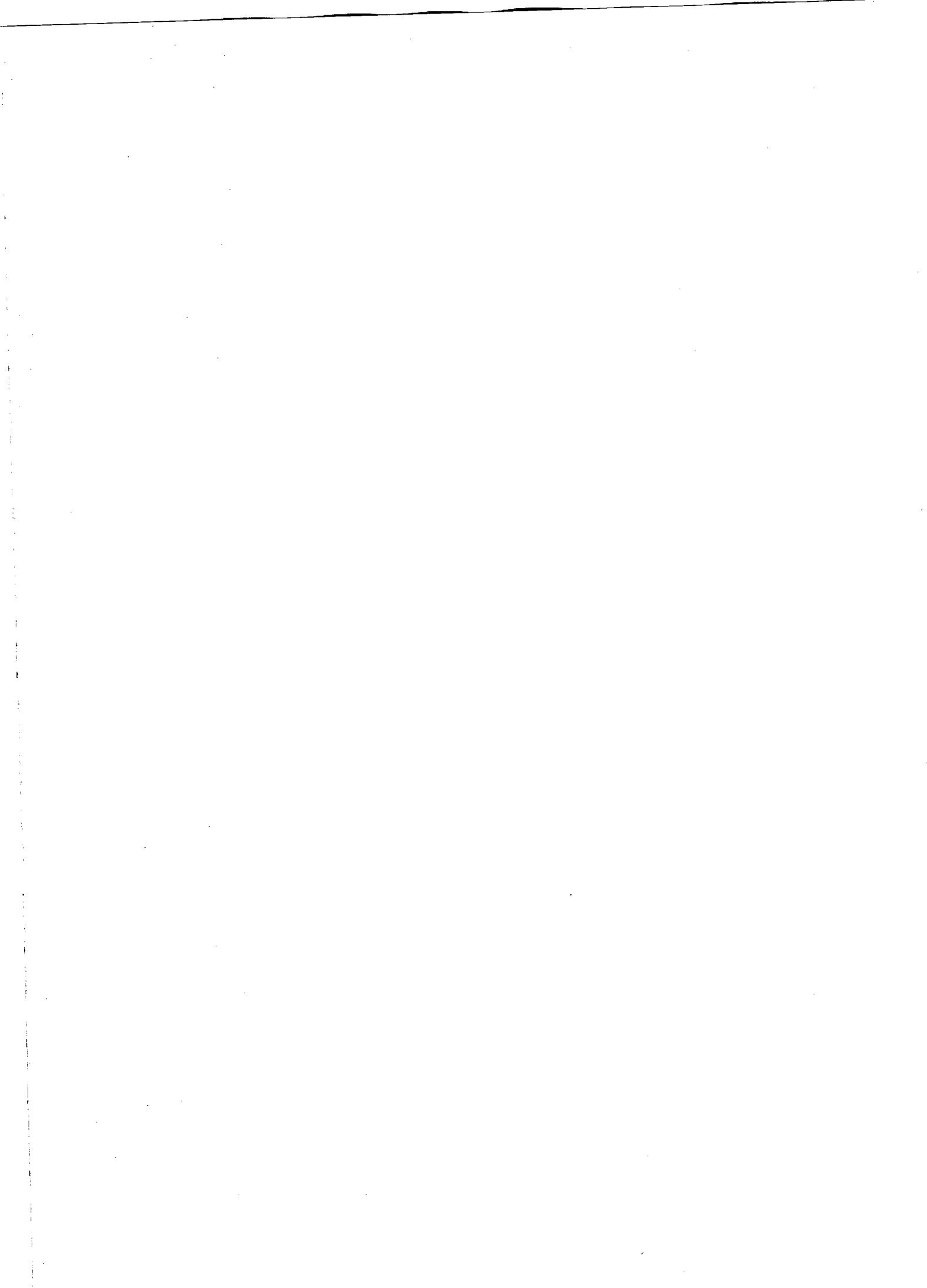
**SỐ LIỆU**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI CAO TUỔI**  
*(Kèm theo Báo cáo số /BC - ngày tháng năm 2018)*

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng số	Trong đó	
				Nam	Nữ
1	Tổng số người cao tuổi:	Người			
2	Số người cao tuổi thuộc hộ nghèo	Người			
3	Số người cao tuổi không có người có quyền và nghĩa vụ phụng dưỡng	Người			
4	Số người cao tuổi khuyết tật	Người			
5	Số NCT đang hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH	Người			
6	Số NCT đang hưởng trợ cấp người có công	Người			
7	Số NCT đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng	Người			
7.1	Người cao tuổi thuộc hộ gia đình nghèo không có người có quyền nghĩa vụ phụng dưỡng	Người			
7.2	Người từ đủ 80 tuổi không có lương hưu, trợ cấp BHXH	Người			
	Người thuộc diện hộ nghèo	Người			
7.3	Người cao tuổi khuyết tật nặng, đặc biệt nặng	Người			
7.4	Khác	Người			
8	Số NCT đang được nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng	Người			
9	Số NCT đang nuôi dưỡng, chăm sóc trong cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội	Người			
10	Số người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế	Người			





	Trong đó: Câu lạc bộ liên thể hệ giúp nhau	Lượt người			
22	Số cơ sở chăm sóc người cao tuổi	Lượt người			
23	Số bệnh viện có khoa lão khoa, hoặc phòng điều trị riêng cho người cao tuổi	Bệnh viện			
24	Số xã, phường (gọi chung xã) có quỹ chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi	Xã			
	Trong đó:				
	Tổng số tiền của quỹ chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi	đồng			
	Tổng số tiền huy động trong năm của quỹ chăm sóc và phát huy và phát huy vai trò người cao tuổi	đồng			
25	Số cán bộ được tập huấn về công tác người cao tuổi	Lượt người			
26	Kinh phí thực hiện chính sách	đồng			
	Chính sách trợ giúp xã hội	đồng			
	Chúc thọ mừng thọ	đồng			
	Các chế độ chính sách khác	đồng			



**SỐ LIỆU**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRỢ GIÚP XÃ HỘI ĐỘT XUẤT**

(Kèm theo Báo cáo số /BC ngày tháng năm 2018)

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng
<b>1</b>	<b>Tình hình thiệt hại</b>		
1.1	Số hộ thiếu đói	Lượt hộ	
1.2	Số người thiếu đói	Lượt người	
1.3	Số người chết	Người	
1.4	Số người mất tích	Người	
1.5	Người bị thương	Người	
1.6	Hộ có nhà bị đổ, sập, trôi cháy	Hộ	
1.7	Hộ có nhà hư hỏng nặng	Hộ	
1.8	Hộ phải di rời nhà ở	Hộ	
<b>2</b>	<b>Kết quả hỗ trợ</b>		
2.1	Số hộ được hỗ trợ lương thực	Lượt hộ	
2.2	Số người được hỗ trợ lương thực	Lượt người	
2.3	Số người chết được hỗ trợ mai táng	Người	
2.4	Số người mất tích	Người	
2.5	Người bị thương	Người	
2.6	Hộ được hỗ trợ làm nhà ở	Nhà	
2.7	Hộ được hỗ trợ sửa chữa nhà ở	Nhà	
2.8	Hộ được hỗ trợ di rời nhà ở	Hộ	
<b>3</b>	<b>Nguồn lực hỗ trợ</b>		
3.1.	Gạo	Kg	
	Trong đó:		
	+ Trung ương cấp	Kg	
	+ Địa phương	Kg	
	+ Huy động	Kg	
3.2.	Tổng kinh phí	đồng	
	Trong đó:		
	+ Ngân sách Trung ương cấp	đồng	
	+ Ngân sách địa phương	đồng	
	+ Huy động (bao gồm cả hiện vật quy đổi)	đồng	



**SỐ LIỆU**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT**  
*(Kèm theo Báo cáo số /BC ngày tháng năm 2018)*

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng số	Trong đó	
				Nam	Nữ
<b>1</b>	<b>Tổng số người khuyết tật:</b>	<b>Người</b>			
<b>1.1</b>	<b>Chia theo dạng tật:</b>				
	Vận động	Người			
	Nghe nói	Người			
	Nhìn	Người			
	Thần kinh	Người			
	Trí tuệ	Người			
	Khác	Người			
<b>1.2</b>	<b>Chia theo mức độ khuyết tật:</b>	<b>Người</b>			
	Đặc biệt nặng	Người			
	Nặng	Người			
	Nhẹ	Người			
<b>2</b>	<b>Số người khuyết tật thuộc hộ nghèo:</b>	<b>Người</b>			
<b>2.1</b>	Khuyết tật đặc biệt nặng	Người			
<b>2.2</b>	Khuyết tật nặng	Người			
<b>2.3</b>	Khuyết tật nhẹ	Người			
<b>3</b>	<b>Số người cao tuổi khuyết tật</b>	<b>Người</b>			
<b>4</b>	<b>Số người khuyết tật đang hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH</b>	<b>Người</b>			
<b>5</b>	<b>Số người khuyết tật đang hưởng trợ cấp người có công</b>	<b>Người</b>			
<b>6</b>	<b>Số người khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng</b>	<b>Người</b>			
<b>6.1</b>	<b>Khuyết tật đặc biệt nặng:</b>	<b>Người</b>			



**SỐ LIỆU**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRỢ GIÚP XÃ HỘI THƯỜNG XUYÊN**  
*(Kèm theo Báo cáo số /BC ngày tháng năm 2018)*

STT	Chỉ tiêu	Tổng số (người)	Nam (người)	Nữ (người)	Kinh phí (đồng)
<b>I</b>	<b>TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG THÁNG</b>				
<b>1</b>	<b>Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng</b>				
	<i>Trong đó: dưới 4 tuổi</i>				
<b>2</b>	<b>Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học</b>				
<b>3</b>	<b>Người bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo</b>				
3.1	Dưới 4 tuổi				
3.2	Từ 4 đến dưới 16 tuổi				
3.3	Từ 16 tuổi trở lên				
<b>4</b>	<b>Người đơn thân nghèo đang nuôi con</b>				
<b>5</b>	<b>Người cao tuổi</b>				
5.1	Người cao tuổi nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng				
5.2	Người đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng				
	<i>Trong đó: thuộc diện hộ nghèo</i>				
5.3	Người cao tuổi có người nhận chăm sóc tại cộng đồng				
<b>6</b>	<b>Người khuyết tật</b>				
<b>6.1</b>	<b>Người khuyết tật đặc biệt nặng</b>				
a)	Dưới 16 tuổi				
b)	Từ 16 đến 60 tuổi				
c)	Từ đủ 60 tuổi trở lên				
<b>6.2</b>	<b>Người khuyết tật nặng</b>				
a)	Dưới 16 tuổi				
b)	Từ 16 đến 60 tuổi				
c)	Từ đủ 60 tuổi trở lên				





<b>II.</b>	<b>NHẬN NUÔI DƯỠNG CHĂM SÓC TẠI CỘNG ĐỒNG</b>				
1	Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng				
	<i>Trong đó: dưới 4 tuổi</i>				
2	Người khuyết tật đặc biệt nặng				
	Dưới 16 tuổi				
	Từ 16 đến 60 tuổi				
	Từ đủ 60 tuổi trở lên				
3	Người cao tuổi có người nhận chăm sóc tại cộng đồng				
<b>III</b>	<b>NUÔI DƯỠNG TRONG CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI</b>				
1	Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng				
2	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học				
3	Người bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo				
3.1	Dưới 16 tuổi				
3.2	Từ 16 tuổi trở lên				
4	Người cao tuổi				
5	Người khuyết tật đặc biệt nặng				
5.1	Dưới 16 tuổi				
5.2	Từ 16 đến 60 tuổi				
5.3	Từ đủ 60 tuổi trở lên				
6	Đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp				
<b>IV</b>	<b>HỖ TRỢ CHI PHÍ MAI TÁNG</b>				

